TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số 523/2024/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Huyện K, ngày 11 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 484/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh K M T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số A B, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị N T D, sinh năm 1984; ĐKHKTT: Số A B, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số D, ngõ E B, thị trấn C, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh K M T và chị N T D.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh K M T và chị N T D, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh K M T và chị N T D cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Cháu K H H G, sinh ngày 28/11/2009 và cháu K T P, sinh ngày 06/08/2013.

Giao cho anh K M T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu K T P kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu K T P đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Giao cho chị N T D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu K H H G kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu K H H G đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh K M T và chị N T D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh K M T và chị N T D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh K M T và chị N T D tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Anh K M T và chị N T D xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng nên không xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K M T chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065619 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả anh K M T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn C, huyện K (theo GCNKH số 46, quyển số 01/2009, ngày 29/04/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Như Trọng